| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH BN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - hạnh phúc** |

Bản án số 02/2019/KDTM-PT
Ngày 05/4/2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Bình

*Các Thẩm phán*: 1. Ông Nguyễn Văn Tính.

2. Ông Nguyễn Đắc Dũng.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Ngô Thị Thu Hiền- Thư ký Tòa án nhân dân TỈNH BN.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TỈNH BN tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Huy Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân TỈNH BN xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2018/TLPT-KDTM ngày 21 tháng 12 năm 2018 về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2018/ KDTM-ST ngày 02 tháng 11năm 2018 của Toà án nhân dân huyện TD bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2019/QĐPT-KDTM ngày 21 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP ĐT và PP VN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T, chức vụ: Tổng giám đốc.

Đơn vị được ủy quyền khởi kiện và tham gia tố tụng:

Ngân hàng TMCP ĐT và PP VN - Chi nhánh **BN**.

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Đăng Đ, thành phố BN, TỈNH BN.

Người đại diện ông Nguyễn Ngọc S, Giám đốc Chi nhánh.

Người đại diện được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1980 - Trưởng phòng quản lý rủi ro - Ngân hàng TMCP ĐT và PP VN - Chi nhánh **BN**. Có mặt.

* *Bị đơn*: Công ty TNHH sản xuất giấy và bao bì **PĐ**.

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Phú Lâm, thôn TT, xã PL, huyện TD, TỈNH BN;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Hữu P, sinh năm 1974; Chức vụ: Giám đốc công ty.

Người đại diện theo ủy quyền và là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Trần Phan D, sinh năm 1982. Có mặt;

Luật sư thuộc Công ty luật TNHH Tầm nhìn và Thịnh Vượng – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội

Địa chỉ: Số 59, ngõ 2 Phương Mai, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Ngô Thị Đ, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn TT, xã PL, huyện TD, TỈNH BN. *(Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.)*

Người kháng cáo: Công ty TNHH sản xuất giấy và bao bì **PĐ**.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện ngày 03/01/2017, các lời khai tại Tòa án; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Q trình bày:*

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh **BN** *(sau đây gọi tắt là BIDV **BN**)* với Công ty sản xuất giấy và bao bì **PĐ** *(sau đây gọi tắt là Công ty **PĐ**)* đã thiết lập quan hệ tín dụng. Tại Quyết định cấp tín dụng ngày 29/4/2009, BIDV **BN** đồng ý cho Công ty **PĐ** vay tối đa số tiền 40 tỉ đồng.

Để đảm bảo cho các khoản vay, Công ty **PĐ** đã ký kết các hợp đồng thế chấp các tài sản gồm:

- Hợp đồng thế chấp số 0405/09/HĐTC ngày 05/5/2009; Thế chấp những tài sản gắn liền với đất; Bao gồm: Nhà xưởng chính, nhà xưởng phụ, nhà văn phòng, nhà xử lý bột, 04 bể bột, bể nước sạch, bể thu hồi, bể công nghệ, bể băng tải, nhà bảo vệ, nhà đón khách, sân bê tông, cổng nhà xưởng, tường rào. Toàn bộ những tài sản trên được xây dựng trên diện tích đất 5575,3m$^2$ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 165388 do UBND TỈNH BN cấp ngày 23/9/2008 tại cụm công nghiệp Phú Lâm, xã Phú Lâm, huyện Tiên Du, **BN**.

- Hợp đồng thế chấp số 0605/09/HĐTC ngày 06/5/2008 đối với tài sản là phần các thiết bị trong dây chuyền sản xuất giấy do Công ty đầu tư.

Từ tháng 6/2009 hai bên ký và thực hiện các hợp đồng tín dụng. Tính đến thời điểm xét xử ngày 02/11/2018, các khoản vay còn dư nợ của Công ty **PĐ** như sau:

| Số HĐTD | Số tài khoản | Ngày vay | Ngày đến hạn | Lãi suất | Dư nợ gốc | Dư nợ lãi |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 730/09/HĐ | 43282000119231 | 05/06/09 | 07/12/09 | 0.100 | 1,342,000,000 | 2,074,649,722 |
| 0806/09/HĐ | 43282000119356 | 08/06/09 | 08/12/09 | 0.100 | 3,000,000,000 | 4,074,583,333 |
| 807/09/HĐ | 43282000120358 | 19/06/09 | 21/12/09 | 0.100 | 1,000,000,000 | 1,221,666,666 |
| 3006/09/HĐ | 43282000120987 | 30/06/09 | 30/12/09 | 0.100 | 710,000,000 | 956,231,944 |
| 0907/09/HĐ | 43282000121485 | 09/07/09 | 11/01/10 | 0.100 | 200,000,000 | 214,861,111 |
| 1007/09/HĐ | 43282000121564 | 10/07/09 | 11/01/10 | 0.100 | 1,000,000,000 | 1,345,277,777 |
| 2307/09/HĐ | 43282000122284 | 23/07/09 | 25/01/10 | 0.105 | 1,500,000,000 | 2,115,968,749 |
| 1408/09/HĐ | 43282000123694 | 14/08/09 | 19/02/10 | 0.105 | 500,000,000 | 623,656,250 |
| 2008/09/HĐ | 43282000123852 | 20/08/09 | 22/02/10 | 0.105 | 500,000,000 | 703,281,249 |
| 1015/09/HĐ | 43282000124235 | 26/08/09 | 26/02/10 | 0.105 | 3,564,000,000 | 5,140,680,875 |
| 1109/09/HĐ | 43282000125520 | 11/09/09 | 11/03/10 | 0.120 | 7,000,000,000 | 11,228,388,889 |
| 1215/09/HĐ | 43282000126000 | 17/09/09 | 17/03/10 | 0.120 | 380,000,000 | 547,601,112 |
| 1253/09/HĐ | 43282000126736 | 25/09/09 | 25/03/10 | 0.120 | 240,000,000 | 345,533,333 |
| 1331/09/HĐ | 43282000128802 | 20/10/09 | 20/04/10 | 0.120 | 1,500,000,000 | 2,394,000,000 |
| 1362/09/HĐ | 43282000129285 | 23/10/09 | 26/04/10 | 0.120 | 1,140,000,000 | 1,769,227,500 |
| 1572/09/HĐ | 43282000131396 | 24/11/09 | 24/05/10 | 0.120 | 500,000,000 | 744,895,834 |
| 1585/09/HĐ | 43282000131703 | 27/11/09 | 27/05/10 | 0.120 | 1,000,000,000 | 1,507,958,333 |
| | | | | | **25,076,000,000** | **37,008,462,679** |

Mặc dù BIDV **BN** đã nhiều lần đôn đốc nhưng Công ty **PĐ** vẫn liên tục vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nay yêu cầu Công ty **PĐ** phải thanh toán các khoản nợ trên; Bao gồm: nợ gốc, nợ lãi với số tiền là: 62.084.462.679 đồng *(Sáu mươi hai tỷ không trăm tám mươi tư triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm bảy mươi chín đồng).*

Số nợ lãi tiếp tục được tính theo thỏa thuận của các hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng mà hai bên đã ký kết cho đến khi Công ty **PĐ** thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc.

Nếu Công ty **PĐ** không thanh toán được đề nghị xử lý các tài sản thế chấp được hai bên thỏa thuận trong hai hợp đồng thế chấp tài sản đã trình bày ở phần trên. Về phần tài sản tăng thêm trên đất do Công ty **PĐ** xây dựng thêm sau khi ký hợp đồng thế chấp cũng được xử lý để đảm bảo việc thu hồi công nợ.

Về chi phí tố tụng về việc xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Ông Ngô Hữu P, người đại diện theo pháp luật của Công ty **PĐ** trình bày:* Công nhận số nợ gốc từ các hợp đồng tín dụng mà Công ty **PĐ** đã vay của BIDV **BN** và số lãi được tính đến ngày khởi kiện là đúng, không thắc mắc gì. Nhưng do Công ty **PĐ** gặp nhiều khó khăn trong sản xuất, kinh doanh nên chưa thể trả nợ được.

Trong quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn đã đề nghị được xem xét các tài liệu liên quan đến khoản vay 9,2 tỉ đồng đối với 02 khoản giải ngân của BIDV **BN** cho Công ty SX&TM Việt Mỹ theo Hợp đồng Tín dụng ngắn hạn số 1109/09/HĐ ngày 11/09/2009 và Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 0806/09/HĐ ngày 08/06/2009. Đến nay, phía bị đơn đã nhận được kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an TỈNH BN, đồng ý với kết luận giám định và không có ý kiến gì. Do Công ty **PĐ** hiện đang gặp rất nhiều khó khăn về tài chính, việc kinh doanh không có lãi nên cũng đề nghị BIDV **BN** xem xét.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Đ trình bày:* Công ty **PĐ** là Công ty TNHH có hai thành viên. Ông Phương có tỷ lệ vốn góp là 89,33% và bà (là em gái ông Phương) có tỷ lệ vốn góp là 10,76%. Ngày 14/8/2009, Hội đồng thành viên của Công ty **PĐ** tổ chức phiên họp. Nội dung ủy quyền cho ông Phương được mang tài sản của Công ty để vay vốn, đầu tư thêm dây truyền sản xuất giấy Medium của nhà máy số 2. Bà Đông xác nhận, số nợ của Công ty **PĐ** với BIDV **BN** như đơn khởi kiện là đúng. Trước khi vay vốn, bà Đông cũng đồng ý ủy quyền cho ông Phương đứng ra dùng tài sản của công ty để thế chấp. Nay BIDV **BN** yêu cầu giải quyết tranh chấp Hợp đồng tín dụng thì ông Phương là người đại diện theo pháp luật của công ty tham gia giải quyết tại Tòa án.

Từ nội dung trên bản án sơ thẩm đã căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 688 – Bộ luật Dân sự 2015; Điều 302; Điều 342; Điều 471; Điều 474 Bộ luật dân sự 2005; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 25, 27, 56 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP Ngày 29/12/2006 của Chính phủ quy định về giao dịch bảo đảm; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

2. Buộc Công ty TNHH sản xuất giấy và bao bì **PĐ** phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh **BN** số tiền: 62.084.462.679 đồng (Sáu mươi hai tỷ không trăm tám mươi tư triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm bảy mươi chín đồng). Trong đó: Số tiền gốc

25.076.000.000đ (Hai mươi lăm tỷ không trăm bảy mươi sáu triệu đồng); Tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 02/11/2018 là: 37.008.462.679đ (Ba mươi bảy tỷ không trăm lẻ tám triệu bốn trăm sáu hai ngàn sáu trăm bảy chín đồng).

Kể từ ngày 03/11/2018; Công ty TNHH sản xuất giấy và bao bì **PĐ** tiếp tục phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng, biên bản sửa đổi, bổ sung và phụ lục hợp đồng cho đến khi trả xong khoản nợ gốc; Cụ thể là:

- Hợp đồng số 730/09/HĐ, ngày 5/6/2009;

- Hợp đồng số 0806/09/HĐ, ngày 8/6/2009;

- Hợp đồng số 807/09/HĐ,19/6/2009;

- Hợp đồng số 3006/09/HĐ, 30/6/2009;

- Hợp đồng số 0907/09/HĐ, 9/7/2009;

- Hợp đồng số 1007/09/HĐ, 10/7/2009;

- Hợp đồng số 307/09/HĐ23/7/2009, Biên bản sửa đổi, bổ sung (sau đây gọi tắt là BBSĐ, BS) ngày 23/10/2009;

- Hợp đồng số 1109/09/HĐ11/9/2009, BBSĐ,BS ngày 11/12/2009;

- Hợp đồng số 1215/09/HĐ17/9/2009, BBSĐ,BS ngày 17/12/2009;

- Hợp đồng số 1408/09/HĐ14/8/2009, BBSĐ,BS ngày 14/11/2009;

- Hợp đồng số 1253/09/HĐ25/9/2009, BBSĐ,BS ngày 25/12/2009;

- Hợp đồng số 2008/09/HĐ20/8/2009, BBSĐ,BS ngày 20/11/2009;

- Hợp đồng số 1015/09/HĐ26/8/2009, Phụ lục hợp đồng (sau đây gọi tắt là PLHĐ) ngày 26/11/2009;

- Hợp đồng số 1331/09/HĐ20/10/2009, PLHĐ ngày 20/01/2010;

- Hợp đồng số 1362/09/HĐ23/10/2009, PLHĐ ngày 22/01/2010;

- Hợp đồng số 1572/09/HĐ24/11/2009, PLHĐ ngày 24/02/2010;

- Hợp đồng số 1585/09/HĐ27/11/2009, PLHĐ ngày 26/02/2010;

Trường hợp Công ty TNHH sản xuất giấy và bao bì **PĐ** không trả tiền, thì Ngân hàng TMCP ĐT và PP VN – Chi nhánh **BN** sẽ đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp gồm:

- Tài sản là tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0405/09/HĐTC ngày 05/05/2009 giữa bên thế chấp là Công ty TNHH sản xuất giấy và bao bì **PĐ** và Ngân hàng TMCP ĐT và PP VN - Chi nhánh **BN** và những bất động sản tăng thêm (kèm theo phụ lục 1)

- Phần thiết bị trong dây chuyền sản xuất giấy do Công ty TNHH sản xuất giấy và bao bì **PĐ** đầu tư theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0605/09/HĐTC ngày 06/05/2009 giữa Công ty TNHH sản xuất giấy và bao bì **PĐ** và Ngân hàng TMCP ĐT và PP VN – Chi nhánh **BN** (kèm theo phụ lục 2).

Những tài sản trên được xây dựng và tọa lạc trên diện tích đất 5.575,3m$^2$ tại cụm công nghiệp Phú Lâm, xã Phú Lâm, huyện Tiên Du, TỈNH BN được UBND TỈNH BN cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 165388 mang tên người sử dụng đất là Công ty TNHH sản xuất giấy và bao bì **PĐ**; Thời hạn sử dụng đất đến ngày 09/5/2058.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lệ phí, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/11/2018 Công ty TNHH sản xuất giấy và bao bì **PĐ** có đơn kháng cáo không nhất trí với bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, đại diện phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Công ty TNHH sản xuất giấy và bao bì **PĐ** vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người đại diện theo ủy quyền và là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Bản án sơ thẩm có nhiều vi phạm thủ tục tố tụng như: Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP ĐT và PP VN (nay là Công ty cho thuê tài chính TNHH BIBV Sumi Trust) và Công ty TNHH Hoàng Anh Kinh Bắc vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau giải quyết vụ án.

Đại điện Viện kiểm sát nhân dân TỈNH BN tham gia phiên tòa đưa ra quan điểm: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên . Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự pháp luật quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy: Đơn kháng cáo của Công ty TNHH sản xuất giấy và bao bì **PĐ** nộp trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 168061/09/HĐ ngày 16/10/2009;

Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 0405/09/HĐTC ngày 05/5/2009;

Hợp đồng thế chấp tài sản số 0605/09/HĐTC ngày 06/5/2009 và các hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 730/09/HĐ, ngày 5/6/2009;

Hợp đồng số 0806/09/HĐ, ngày 8/6/2009;

Hợp đồng số 807/09/HĐ,19/6/2009;

Hợp đồng số 3006/09/HĐ,30/6/2009;

Hợp đồng số 0907/09/HĐ, 9/7/2009;

Hợp đồng số 1007/09/HĐ,10/7/2009;

Hợp đồng số 307/09/HĐ23/7/2009, Biên bản sửa đổi, bổ sung (sau đây gọi tắt là BBSĐ, BS) ngày 23/10/2009;

Hợp đồng số 1109/09/HĐ11/9/2009, BBSĐ,BS ngày 11/12/2009;

Hợp đồng số 1215/09/HĐ17/9/2009, BBSĐ,BS ngày 17/12/2009;

Hợp đồng số 1408/09/HĐ14/8/2009, BBSĐ,BS ngày 14/11/2009;

Hợp đồng số 1253/09/HĐ25/9/2009, BBSĐ,BS ngày 25/12/2009;

Hợp đồng số 2008/09/HĐ20/8/2009, BBSĐ,BS ngày 20/11/2009;

Hợp đồng số 1015/09/HĐ26/8/2009, Phụ lục hợp đồng (sau đây gọi tắt là PLHĐ) ngày 26/11/2009;

Hợp đồng số 1331/09/HĐ20/10/2009, PLHĐ ngày 20/01/2010;

Hợp đồng số 1362/09/HĐ23/10/2009, PLHĐ ngày 22/01/2010;

Hợp đồng số 1572/09/HĐ24/11/2009,PLHĐ ngày24/02/2010;

Hợp đồng số1585/09/HĐ27/11/2009, PLHĐ ngày 26/02/2010.

Tất cả các hợp đồng trên là hợp pháp, khi ký kết Hợp đồng các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các thỏa thuận trong hợp đồng đều tự nguyện và tuân thủ theo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước, nội dung và hình thức của hợp đồng đảm bảo đúng quy định của pháp luật nên các hợp đồng trên đều có giá trị bắt buộc thực hiện đối với các bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã thực hiện đúng các cam kết trong hợp đồng và Ngân hàng đã giải ngân đầy đủ cho Công ty **PĐ**. Quá trình làm việc giữa Ngân hàng và Công ty **PĐ** và tại phiên tòa hôm nay Công ty **PĐ** đều thừa nhận số nợ gốc và lãi chưa thanh toán mà phía Ngân hàng yêu cầu là đúng. Do vậy, Bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn buộc Công ty **PĐ** phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc là 25.076.000.000đ và lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày

xét xử là 37.008.462.679đ, tổng cộng là 62.084.462.679đ là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét kháng cáo của Công ty **PĐ**, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Thứ nhất, Công ty **PĐ** cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP ĐT và PP VN (nay là Công ty cho thuê tài chính TNHH BIBV Sumi Trust) vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là không đúng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 17/4/2008 giữa Công ty **PĐ** và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP ĐT và PP VN (nay là Công ty cho thuê tài chính TNHH BIBV Sumi Trust) ký kết hợp đồng cho thuê tài chính số 08-2862-03084 (BL430). Theo đơn khởi kiện của Công ty cho thuê tài chính TNHH BIBV Sumi Trust cũng như các lời khai tại Tòa án thì do Công ty **PĐ** vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho thuê tài chính nên Công ty cho thuê tài chính TNHH BIBV Sumi Trust yêu cầu Công ty **PĐ** thanh toán tiền gốc và lãi. Mặt khác, Công ty **PĐ** cũng như Công ty cho thuê tài chính TNHH BIBV Sumi Trust thừa nhận các tài sản Công ty **PĐ** thế chấp tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh **BN** không liên quan đến tài sản Công ty cho thuê tài chính TNHH BIBV Sumi Trust cho Công ty **PĐ** thuê nên việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Công ty cho thuê tài chính TNHH BIBV Sumi Trust tham gia với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án mà tách ra bằng một vụ án khác khi Công ty cho thuê tài chính TNHH BIBV Sumi Trust có yêu cầu là có căn cứ.

Thứ hai, Công ty **PĐ** cho rằng việc Công ty **PĐ** cho Công ty TNHH Hoàng Anh Kinh Bắc thuê một phần nhà xưởng tại nhà máy. Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 05/5/2009 giữa Công ty sản xuất giấy và bao bì **PĐ** và Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển **BN** ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 0405/09/HĐTC, theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Hợp đồng quy định về nghĩa vụ của bên A " *Không được chuyển nhượng, chuyển đổi, tặng cho, cho thuê, góp vốn hoặc dùng tài sản thế chấp để đảm bảo cho nghĩa vụ khác nếu không được bên B đồng ý bằng văn bản*". Quá trình giải quyết vụ án Công ty **PĐ** trình bày việc có cho Công ty TNHH Hoàng Anh Kinh Bắc thuê nhà xưởng nhưng không cung cấp được các chứng cứ chứng minh. Mặt khác, phía Ngân hàng không thừa nhận và cho rằng phía Công ty **PĐ** không có ý kiến với Ngân hàng và phía Ngân hàng không có văn bản đồng ý theo như Hợp đồng hai bên đã ký kết nên việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Công ty TNHH Hoàng Anh Kinh Bắc tham gia tố tụng giải quyết trong cùng một vụ án là có căn cứ.

Từ những phân tích trên Hội đồng nhận thấy đơn kháng cáo của Công ty **PĐ** là không có căn cứ nên không thể thỏa mãn yêu cầu kháng cáo của Công ty **PĐ**.

Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của Công ty **PĐ** không được chấp nhận nên Công ty **PĐ** phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 302; Điều 342; Điều 471; Điều 474 Bộ luật dân sự 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 25, 27, 56 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ quy định về giao dịch bảo đảm; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí tòa án xử: Giữ nguyên án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

2. Buộc Công ty TNHH sản xuất giấy và bao bì **PĐ** phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh **BN** số tiền 62.084.462.679 đồng (Sáu mươi hai tỷ không trăm tám mươi tư triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm bảy mươi chín đồng). Trong đó: Số tiền gốc 25.076.000.000đ (Hai mươi lăm tỷ không trăm bảy mươi sáu triệu đồng); Tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 02/11/2018 là 37.008.462.679đ (Ba mươi bảy tỷ không trăm lẻ tám triệu bốn trăm sáu hai ngàn sáu trăm bảy chín đồng).

Kể từ ngày 03/11/2018; Công ty TNHH sản xuất giấy và bao bì **PĐ** tiếp tục phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng, biên bản sửa đổi, bổ sung và phụ lục hợp đồng cho đến khi trả xong khoản nợ gốc; Cụ thể là:

- Hợp đồng số 730/09/HĐ, ngày 5/6/2009;

- Hợp đồng số 0806/09/HĐ, ngày 8/6/2009;

- Hợp đồng số 807/09/HĐ,19/6/2009;

- Hợp đồng số 3006/09/HĐ, 30/6/2009;

- Hợp đồng số 0907/09/HĐ, 9/7/2009;

- Hợp đồng số 1007/09/HĐ, 10/7/2009;

- Hợp đồng số 307/09/HĐ23/7/2009, Biên bản sửa đổi, bổ sung (sau đây gọi tắt là BBSĐ, BS) ngày 23/10/2009;

- Hợp đồng số 1109/09/HĐ11/9/2009, BBSĐ,BS ngày 11/12/2009;

- Hợp đồng số 1215/09/HĐ17/9/2009, BBSĐ,BS ngày 17/12/2009;

- Hợp đồng số 1408/09/HĐ14/8/2009, BBSĐ,BS ngày 14/11/2009;

- Hợp đồng số 1253/09/HĐ25/9/2009, BBSĐ,BS ngày 25/12/2009;

- Hợp đồng số 2008/09/HĐ20/8/2009, BBSĐ,BS ngày 20/11/2009;

- Hợp đồng số 1015/09/HĐ26/8/2009, Phụ lục hợp đồng (sau đây gọi tắt là PLHĐ) ngày 26/11/2009;

- Hợp đồng số 1331/09/HĐ20/10/2009, PLHĐ ngày 20/01/2010;

- Hợp đồng số 1362/09/HĐ23/10/2009, PLHĐ ngày 22/01/2010;

- Hợp đồng số 1572/09/HĐ24/11/2009, PLHĐ ngày 24/02/2010;

- Hợp đồng số 1585/09/HĐ27/11/2009, PLHĐ ngày 26/02/2010.

Trường hợp Công ty TNHH sản xuất giấy và bao bì **PĐ** không trả tiền, thì Ngân hàng TMCP ĐT và PP VN – Chi nhánh **BN** sẽ đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp gồm:

- Tài sản là tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0405/09/HĐTC ngày 05/05/2009 giữa bên thế chấp là Công ty TNHH sản xuất giấy và bao bì **PĐ** và Ngân hàng TMCP ĐT và PP VN – Chi nhánh **BN** và những bất động sản tăng thêm (kèm theo phụ lục 1)

- Phần thiết bị trong dây chuyền sản xuất giấy do Công ty TNHH sản xuất giấy và bao bì **PĐ** đầu tư theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0605/09/HĐTC ngày 06/05/2009 giữa Công ty TNHH sản xuất giấy và bao bì **PĐ** và Ngân hàng TMCP ĐT và PP VN – Chi nhánh **BN** (kèm theo phụ lục 2).

Những tài sản trên được xây dựng và tọa lạc trên diện tích đất 5.575,3m$^2$ tại Cụm công nghiệp Phú Lâm, xã Phú Lâm, huyện Tiên Du, TỈNH BN được UBND TỈNH BN cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL165388 mang tên người sử dụng đất là Công ty TNHH sản xuất giấy và bao bì **PĐ**; Thời hạn sử dụng đất đến ngày 09/5/2058.

3. Về chi phí tố tụng: Công ty TNHH sản xuất giấy và bao bì **PĐ** phải chịu 5.000.000đ (Năm triệu đồng) chi phí giám định (Xác nhận đã nộp đủ) và 3.000.000đ (Ba triệu đồng) chi phí trong việc xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản. Công ty TNHH sản xuất giấy và bao bì **PĐ** phải trả lại cho Ngân hàng TMCP ĐT và PP VN – Chi nhánh **BN** số tiền tạm ứng chi phí tố tụng là 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

4. Về án phí: Công ty TNHH sản xuất giấy và bao bì **PĐ** phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là 170.084.000đ (Một trăm bảy mươi triệu không trăm tám tư ngàn đồng) và 2.000.000đ án phí phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 2.000.000đ Công ty TNHH sản xuất giấy và bao bì **PĐ** đã nộp theo biên lai thu số AA/2015/0000523 ngày 30/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Du. Số tiền Công ty TNHH sản xuất giấy và bao bì **PĐ** còn phải nộp là 170.084.000đ

Hoàn trả Ngân hàng TMCP ĐT và PP VN - Chi nhánh **BN** số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 81.112.000đ (Tám mươi mốt triệu một trăm mười hai ngàn đồng) theo biên lai số AA/2012/02432 Ngày 06/01/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Du, TỈNH BN.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 - Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND TỈNH BN;
- Chi cục THADS huyện Tiên Du;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Bình**